

CẢM HỨNG XÊ DỊCH TRONG TÙY BÚT TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8-1945 CỦA NGUYỄN TUÂN NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT

Lê Việt Đoàn

Trường Trung học phổ thông Hồ Thị Kỷ, Cà Mau

Tóm tắt. Trong tùy bút Nguyễn Tuân trước cách mạng tháng Tám nhìn từ không gian nghệ thuật trải dài gió gợn với những ám ảnh, nhận thức của cái tôi cá nhân về thân phận, sự hiện tồn tại và có gì đó mang màu sắc của định mệnh. Giữa hiện tại và quá khứ, cổ kính và hiện đại cho tới những miền đất lạ cùng không gian nhân sinh quan, không gian văn hóa không chỉ mang nỗi sầu thiên vạn cổ mà còn là biểu trưng của những kiếp người giang hồ lãng tử, những kiếp sống phong trần, những cuộc dấn thân không giới hạn, bến bờ. Đó là sự chạy trốn hoàn cảnh để được sống thực, sống đúng với bản chất, bản ngã của cái tôi, vừa là biểu hiện vượt lên trên cái tầm thường, nhạt nhẽo để hướng đến những giá trị Chân – Thiện – Mỹ trước hết là trong việc xê dịch và bằng xê dịch.

Từ khóa: Xê dịch, đời tư, không gian nghệ thuật, định mệnh.

1. Mở đầu

Cảm hứng xê dịch và những ám ảnh *thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân từ lâu đã trở thành đặc trưng sáng tác, thành “phong vị Nguyễn Tuân” không lẫn với bất cứ tác giả nào cùng thời. Có thể thấy điều này thể hiện rõ nét qua các tác phẩm: *Một chuyến đi* (1941); *Vang bóng một thời* (1940); *Ngọn đèn dầu lạc* (1939); *Thiếu quê hương* (1943); *Tàn đèn dầu lạc* (1941); *Chiếc lư đồng mắt cua* (1941) và *Tùy bút I* (1941); *Tùy Bút II* (1943); *Tóc chị Hoài* (1943); *Nhà bác Nguyễn* (1945)...

Nói tới cảm hứng xê dịch và những ám ảnh *thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân, không thể không nhắc tới các nghiên cứu có giá trị như *Tùy bút của Nguyễn Tuân sau Cách mạng Tháng Tám* của Hà Minh Đức [5], *Lời giới thiệu Tuyển tập Nguyễn Tuân* của Nguyễn Đăng Mạnh [7] và đặc biệt là *Nguyễn Tuân như một con người thời đại* của Vương Trí Nhàn [8]. Kế thừa những nghiên cứu đi trước, nhìn từ phương diện không gian, trong sáng tác của Nguyễn Tuân, ta có thể bắt gặp những cảnh sắc, hương vị của mọi vùng đất, từ trong nước đến hải ngoại. Sau đây, chúng ta sẽ đi vào biểu hiện cụ thể của cảm hứng xê dịch nhìn từ phương diện không gian.

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Lê Việt Đoàn. Địa chỉ e-mail: levietdoan20101982@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Không gian nghệ thuật từ cảm hứng xê dịch trong tùy bút trước cách mạng của Nguyễn Tuân

2.1.1. Không gian những miền đất lạ

Là một người đam mê xê dịch, có chứng bệnh thích xê dịch nhưng Nguyễn Tuân trong hoàn cảnh thắt chặt an ninh đương thời, cũng không có nhiều cơ hội mở mang tầm mắt của mình để có thể đến những vùng đất lạ ngoài phạm vi đất nước. Trong hành trạng của mình, từ thời còn là học sinh, Nguyễn Tuân từng bị bắt và quản thúc cũng vì thú vui đó. Nhưng điều này không có sức mạnh ngăn trở ông thỏa mãn đam mê khi có cơ hội.

Không đi được trong đời sống thực tại thì cái tôi xê dịch của Nguyễn Tuân tự thỏa mãn bằng cách du lịch trong tưởng tượng như Trương Hán Siêu thời Trần hay Tản Đà cùng thời từng làm. Trong *Thiếu quê hương*, nhân vật Bạch đã có những tháng ngày ngao du trên biển cả, từ Châu Âu, đến Châu Mỹ chính là biểu hiện chân thực nhất của thú ngao du bằng trí tưởng tượng.

Nhưng không phải chờ đợi lâu, cơ duyên đã giúp cho Nguyễn Tuân có chuyến đi thực sự tới Hồng Kông – lúc ông được may mắn tham gia vào bộ phim cánh đồng ma. Chuyến đi này đã thực sự đem lại cho tâm hồn nhà văn những chân trời tươi mới trong cách cảm nhận cuộc sống từ chính những điều lạ lẫm mà xứ Cảnh Thơm mang lại. Thế là *Một chuyến đi* được ra đời như là điều tất yếu.

Xét về mặt lịch đại, việc sang Hồng Kông có lẽ không mới đối với một bộ phận người Việt Nam, đặc biệt là những nhà đấu tranh yêu nước. Nhưng họ sang đây với sự xác tín mục đích hẳn hoi – thực hiện nhiệm vụ chính trị – chứ không phải đơn thuần đi để mua vui, để hưởng lạc. Nguyễn Tuân xuất hiện ở đây với tư cách như một diễn viên trong bộ phim *Cánh đồng ma* nhưng xem ra, đó chỉ đơn thuần là một duyên cớ, một điều kiện cần, chứ không phải mục đích cuối cùng và duy nhất của chuyến đi này.

Với tính chất như một tự truyện (với người kể chuyện là nhân vật Nguyễn), trong du kí *Một chuyến đi*, nhà văn đã thuật lại một cách khá chi tiết những chuyện riêng tư, cá nhân của ông và các người bạn đồng hành trong chuyến đi Hồng Kông năm ấy. Những có thể nói, những trang văn đặc sắc nhất vẫn là những trang viết về phong cảnh và phong tục của con người trên đất Hương Cảng. Xứ Cảnh Thơm cuốn hút nhà văn từ cái nhìn đầu tiên, với những xe cộ hiện đại và hơn hết là nó giống như kinh đô của ánh sáng, chẳng khác gì Paris hoa lệ, sang trọng của Pháp quốc: “*Ánh sáng của Hồng Kông là ánh một kinh thành tự cháy bùng lên theo điện học làm mờ mắt và nóng mặt những lữ khách chưa quen*” [9;248].

Hồng Kông còn được biết đến như thiên đường của những thú ăn chơi, tiêu khiển một cách đắt đỏ với những hình thức phổ biến như đàn hát, rượu chè. Đặc biệt là ở phố ăn chơi Sạch Sùng Chũi. Giá cả ở đây đắt đỏ đến mức dường như chỉ phù hợp với khách thượng lưu mà thôi: “*một thỏi rượu hạng cuối cũng phải trả một trăm đồng bạc Anh, một đôi chục bạc để ăn một trái lê trái đào*” để được phục vụ tận tình bởi các mỹ nữ nơi này.

Đôi mắt quan sát tinh tường của Nguyễn Tuân cũng không bỏ sót các khu ăn chơi ở Hồng Kông. Ở đây, du khách chẳng khác gì dân chơi thứ thiệt, phải chấp nhận một tiền

giả định là “vung tiền như giấy” thì mới được đánh giá là thượng lưu, là người biết chơi và chịu chơi. Tiêu biểu cho loại này là các khu Kim Lăng tử điểm, khách sạn Quảng Châu. Đến đây, dù là thỏa mãn nhu cầu tối thiểu nhất (đi tiêu, châm thuốc, chải bụi trên áo...), khách cũng phải trả tiền “boa” rất hậu. Hồng Kông thực sự còn là nơi ăn chơi giải trí số một khi về đêm: *“bến nước sáng như ban ngày, đèn thấp quá sao sa, soi mình xuống mặt nước cửa sông Châu Giang, nơi khách lãng tử yêu sống đêm, đôi ngày làm đêm không sợ thiếu chỗ tụ họp hành lạc”* [9;258].

Đã là khu ăn chơi thì không thể thiếu những tiệm hút hồng phiến, vũ quán, tử điểm, nhà chứa, trà đình... Những vũ nữ Hồng Kông trong những tiệm nhảy vô cùng xinh đẹp mà theo cách miêu tả của tác giả là *“tiếng trong như thủy tinh, âm áp như hạnh phúc”* với hàng loạt những mỹ danh nghe qua đã thấy yêu mến vì sự sang trọng, gợi tình của nó (Trần Lệ Liễu, Thu Muội Muội, Hoài Thanh Thanh, Cúc Tiểu Muội...).

Có thể nói, trước 1945, Hồng Kông thực sự là một thiên đường ăn chơi của giới thượng lưu trong khu vực Châu Á và cả trên thế giới. Tuy nhiên, điều gì cũng có tính hai mặt của nó. Bên cạnh không gian sang trọng, sành điệu, giàu sang là sự hiện tồn của những không gian chật hẹp, những khu ổ chuột, những kiếp người hạ tiện sống lẫn khuất, tàn tạ dưới ánh sáng hoa lệ giả dối. Điều này có giá trị nhắc nhở nhân vật Nguyễn về những người cùng khổ ở Việt Nam: *“chúng cứ lẫn xá vào giữa hai chân ôm lấy ống chân, rồi không đợi nói năng, lấy sì – đặt trát lia lịa trên mặt giấy, rồi chải nhanh như chớp”* [9; tr.265].

Con người Nguyễn Tuân là một khối mâu thuẫn lớn. Sống ngay trên quê hương mà ông vẫn cảm thấy thiếu vắng hồn cốt, cảm thấy lạc lõng giữa quê hương. Còn trên đất khách quê người thì cái tôi ngông, kiêu bạc của ông lại hướng về cội nguồn, dân tộc, hướng về không gian nơi chôn nhau cắt rốn. Phải chăng chính sự mâu thuẫn ấy đã hé mở cho ta những chiều kích khác trong tâm hồn của một người lãng tử như ông?

Đó là lần mà Nguyễn Tuân trải qua cái Tết truyền thống ở xứ người (năm 1939). Sự vui tươi, náo nức của xứ người không khiến tâm hồn ông cảm thấy vui lây, mà trái lại, cảm thấy có gì đó chua chát, ghen đắng trong lòng mình. Ở đây, không gian không được nhìn ngắm bằng chiều kích vật lí thông thường mà bằng cảm quan của tâm lí. Đó là tâm lí mặc cảm phải xa quê. Bức tranh đón Tết của người bản xứ càng vui tươi bấy nhiêu thì nỗi niềm của kẻ ly hương càng thống thiết bấy nhiêu: *“Pháo nổ vang cả một góc trời Tàu. Xác pháo bay xuống như trận mưa khô... Xác pháo họ đốt rơi xuống mặt hè dầy cỏ đến mười lăm phân tây. Xác pháo ngập mắt cá chân khách bộ hành là thường”* [9; tr.329]. Đêm Tết Hương Cảng không khác gì thế giới *“trong một truyện thần tiên hoặc trong Liêu Trai”* [9; tr.329]. Ấy thế mà tâm trạng của ông thì lại rơi vào tuyệt vọng cùng cực, khi vô tình phải sắm vai người lữ thứ không bạn đồng hành, không tiền bạc, chỉ bước đi với lòng kiêu hãnh đang bị chìm xuống đến tận đáy: *“Tôi đi qua phố Hương Cảng như một thằng người máy, như một tên lính mệt mỏi từ mặt trận về; mắt mờ, hồn mê và chân vẫn bước”*. Ta nghe như có gì đó phảng phất tâm trạng như trong hai câu thơ: *“Ta nên gót trên đường xứ Huế/ Dừng dừng không một cảm tình chi”*.

Rồi bất giác, trong phút giây thống ngự của lí trí, Nguyễn Tuân cảm thấy như đang đánh mất mình: *“Tôi chiều nay hẳn học với số phận, dám cáu kỉnh với cả cuộc đời phiêu lưu mà xưa nay tôi vẫn ca ngợi. Chiều nay, tôi cũng muốn vứt đi một cái gì...”*

Giữa cái tung bừng của một thị trấn lớn, tôi lang thang, cô độc như một kẻ bị đi đày” [9; tr.330].

Chính thời khắc ấy đã tái hiện lại nỗi nhớ không gian của quê hương trong lòng người xa xứ: *“Chiều hôm nay, tôi tưởng như đang đứng ở phố Hàng Bò, Hà Nội; cảm động, ngồi thừ ra, đắm nhớ quê hương và phần mộ ông bà, hương vòng, hương nén, trầm, bạch đàn nghi ngút cháy thi với bạch lạp”* [9;352]. Sợi dây kết nối cái Tết truyền thống Hà Nội trong quá khứ đó với Nguyễn lúc này hiện lên thật chân thật, cảm động. Hóa ra, ẩn sâu trong cái tôi ngạo nghễ, kiêu bạc kia là một tâm hồn nhạy cảm, luôn biết yêu và trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Cái tôi ấy đâu phải chỉ biết đi rong, đi hoang, đi cho quên đời, quên mình mà còn biết hướng về quá khứ, cũng biết sám hối và tự vấn. Đây chính là biểu hiện chân thật nhất của cái tôi tình nghĩa bên cạnh cái tôi xê dịch của tác giả.

Nếu không gian hải ngoại trong *Một chuyến đi* là không gian mang tính thực tế sau một cuộc trải nghiệm của tác giả ở xứ Hương Cảng, thì *Thiếu quê hương* lại mở ra trước mắt chúng ta một không gian mang được khởi phát từ trí tưởng tượng của một nghệ sĩ tài năng, nhạy cảm. Nhân vật chính trong tác phẩm này là anh chàng Bạch, từng là bồi tàu biển nước ngoài.

Với tính cách là một tác phẩm tưởng tượng nên không gian nghệ thuật gần như được nói rộng hết cỡ, để có thể dung chứa và biểu hiện mọi địa danh, địa điểm, thành phố... mà nhân vật chính từng kinh lịch. Đó là đồn điền cao su Sít Nun ở Cao Miên – nơi có những trận gió lốc mà mỗi cơn thường thịnh nộ kéo dài hai tiếng đồng hồ cứ xoáy tít, sẵn sàng nhổ cả rễ cỏ và lá khô trên phạm vi trăm mẫu. Đó cũng là tiếng gió rừng lạnh buốt thổi vào tỉnh Lạc Hồn - một vùng địa đầu Thái Lan, cạnh sông Cửu Long, đối ngạn với tỉnh Lào Thà Khẹt.

Bước chân lãng du của nhân vật Bạch dẫn dắt người đọc lướt qua những địa danh nổi tiếng thế giới. Đó là những thương cảng sầm uất: cảng Macxay, cảng Le Havre ở Pháp; các thành phố, thủ đô hoa lệ như Pari, Chicago, Nữ Ước, Cựu Kim Sơn; rồi Thượng Hải, Hương Cảng, Hoàn Tân, Rotterdam...

Nhân vật chính cũng dẫn dắt chúng ta tham thú hàng loạt những địa điểm nổi tiếng trên thế giới mà với tư cách là một người bình thường, ta sẽ khó có thể trải nghiệm hết được chúng. Đó là kênh đào Panama, kênh Tô Di Sĩ ở biển Hồng Hải, là mây trời của nước Ý xa xôi; là các giang khẩu xứ Nam Mỹ... Ta lại còn phải cuốn theo sự tò mò về những thiếu phụ Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ đeo mạng che mặt đầy bí hiểm ở bờ biển Hắc Hải; thú vị với những cô Geisha in hình vào núi Phú Sĩ xứ sở Phù Tang với nghệ thuật đàn hát và trò chuyện khéo léo đến mức không tưởng của họ.

Chung quy lại, chúng ta nhận thấy qua hai tác phẩm *Một chuyến đi* và *Thiếu quê hương*, hai dạng thức không gian cơ bản của những vùng đất lạ đã hiện lên một cách rõ nét. Đó là không gian thực tế và không gian tưởng tượng. Dạng không gian thứ nhất là kết quả của sự trải nghiệm, được chất lọc và tái hiện qua cái nhìn của người trong cuộc, người từng trải. Dạng không gian thứ hai dù tính hiện thực, xác thực không hiện hữu nhưng cũng mở ra nhiều điều thú vị. Nó thể hiện một cái tôi táo bạo, sáng tạo của Nguyễn Tuân trong phương thức thể hiện không gian nghệ thuật của cảm hứng xê dịch. Nó cũng là ảnh diện chân thật của ước muốn mãnh liệt của tác giả: được xê dịch, được đi xa để vượt giới hạn biên giới và mặt khác, nó cũng cho thấy tâm thế bế tắc, tù túng,

ngọt ngào không thể dàn hòa của Nguyễn Tuân với thực tại đương thời. Và như một quy luật tâm lý phổ quát, khi đi xa người ta lại cảm thấy nhớ quê, nhớ những gì gắn liền với quê hương, xứ sở. Do vậy, dạng thức không gian những miền đất lạ không chỉ cho thấy sức tưởng tượng tài hoa của người nghệ sĩ Nguyễn Tuân mà còn hé mở con người tình cảm sâu nặng với quê hương đất nước của tác giả. Bên cạnh cái tôi xê dịch còn có sự hiện diện của cái tôi hoài cổ, cái tôi sám hối và giàu lòng trắc ẩn.

2.1.2 Không gian vùng núi, vùng mỏ

Trong văn xuôi Nguyễn Tuân không chỉ có cảnh sắc, không gian của những vùng đất mới lạ trên thế giới mà còn chứa đựng cả một dung lượng đồ sộ, phong phú về các cảnh sắc của các vùng miền trên lãnh thổ đất nước Việt Nam. Có thể nói, đây chính là dạng thức không gian mà cái tôi tài hoa, nghệ sĩ của tác giả đã “bung” ra hết cỡ để có thể mô tả, biểu hiện nó một cách chân thật và sinh động nhất.

Các không gian sống động của mọi tỉnh thành nơi ông đặt chân qua, đều hiện lên với vẻ đẹp riêng, mang tính đặc trưng độc đáo, sáng tạo.

Với tư duy duy mỹ mãnh liệt và cái nhìn đầy tinh tế của người nghệ sĩ già dặn, Nguyễn Tuân đã tái hiện lại những bức tranh thiên nhiên độc đáo của từng không gian riêng biệt. Sự tinh khôi, thanh khiết khiết của Chùa Thầy – núi Sài Sơn, cảnh sắc xứ Mường hoang sơ hiện lên trên trang văn của Nguyễn Tuân với tính thị vị hiếm có. Đó là không gian rừng núi hoang sơ, gần như nguyên thủy: *“Những giọt sương sớm đậu trên búi cỏ trông lóng lánh như thủy ngân hờ trên tấm mạng nhện mà chỉ tơ giăng bằng nước hạt móc sa...Chỉ có mùi cỏ, mùi đất và hoa đất của loài giun dế. Xa xa một vài điểm chàm. Người nông phu xứ Mường. Cảnh lành và khí trời cũng lành”* [9; tr.722].

Đó cũng là không gian vùng mỏ, nơi mà sự khắc nghiệt đã bước lên ngôi vị thống ngự con người, vạn vật. Vùng mỏ Vàng Danh, Uông Bí, Điện Công đầy hoang sơ, khắc nghiệt với nắng cháy đến đen cả cỏ cây, con người: *“một vùng cảnh thổ hoang vu và khắc khổ. Người đen, cảnh đen và cây cỏ cũng đều đen cả. Thật là tổ quốc của than”* [9; tr.803]. Sự khắc nghiệt của thời tiết in hằn lên thiên nhiên như những vết sẹo khó chữa cho lành được: *“một vùng cỏ vàng ệch, cứng như que mà không có một con bò con ngựa nào muốn ngón lúc đói... cỏ gianh ở đây không bao giờ được xanh lấy tí ngọn. Lửa trời đã đốt xém trụi hết cỏ gianh”* [9; tr.803].

Một không gian xứ Vàng Danh bị bao trùm chỉ than là than đã làm cho người ta không thể không cảm thấy khó chịu, bức bối. Có lẽ điều này đã khiến cho anh bạn đồng hành liên tưởng tới những vùng sa mạc hoang sơ, khắc khổ của xứ Texas ở xứ cờ hoa xa xôi.

Sự nghèo khó của vùng đất Quảng Bình cũng hiện lên một cách chân thực trong tùy bút *Một lần đi thăm nhau* (Tùy bút II): *“không một ngọn tre quen thuộc. Ánh mặt trời đã làm cho những đám bụi đỏ của con đường thiên lí hiện ra. Cát trắng đã thành cát vàng. Từng cồn cát vàng. Màu cồn cát đề lên màu quan lục của từng vùng bể Đông”* [9; tr.612].

2.1.3. Không gian đô thị cổ kính và hiện đại

Không gian đô thị hiện đại cũng là một dạng thức để lại nhiều ấn tượng trong các loại hình không gian trong văn xuôi nghệ thuật Nguyễn Tuân trước cách mạng tháng Tám.

Trong *Một lần đi thăm nhau* (Tùy bút II), nhân vật Nguyễn đã có dịp đặt chân vào Sài Gòn – nơi phồn hoa đô hội bậc nhất vào thời đó. Những địa điểm nổi tiếng nơi đây như chợ Bến Thành, vườn hoa Bùng Binh, Thư viện thành phố... để lại những kí ức không thể phai mờ trong tâm khảm chàng lãng tử. Nguyễn đã xuống tận xứ miền Tây gạo trắng nước trong Cần Thơ, Hậu Giang, Lâm Viên của xứ Tây Kỳ...

Hai ngọn tháp Hời của người Chăm cổ xưa ở ga Vân Sơn, Bình Định cũng nhắc lại một thời quá khứ vàng son của dân tộc Chăm mà nay chỉ còn là hoài niệm vô chừng.

Trong *Cửa Đại*, ngôi bút tài hoa của Nguyễn Tuân cũng không bỏ qua cơ hội phả ánh nét đẹp vừa cổ kính, vừa hiện đại của vùng đất Quảng Nam. Tên chữ của Cửa Đại, có từ thời nhà Nguyễn là *Đại Chiếm hải khẩu*. Cửa Đại thực sự không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên sơn thủy hữu tình mà còn có vị trí đặc địa về mặt chính trị, quân sự. Nó là một trong “*thập nhị hải khẩu*” ghi ở sử cũ của Việt Nam thời phong kiến. Tỉnh Quảng Nam có hai thủ phủ tỉnh lỵ quan trọng. Thứ nhất là phố Tây, nơi vẫn được mệnh danh là “Faifo” (Hội An). Nơi này tập trung những công trình kiến trúc mang tính lịch sử, văn hóa đầy giá trị như: tòa công sứ Pháp, sở Giây Thép, ty Mật Thám. Thứ hai là tỉnh lỵ đặt ngoài thành cũ Bến Điện. Đây là nơi có dinh quan Thủ hiến người Việt, dinh quan Công sứ người Pháp.

Thành cũ Bến Điện mang nét đẹp cổ điển, lãng mạn. Người dân nơi đây vốn được biết đến như những nghệ nhân trong kĩ nghệ làm hàng tơ và nghề dệt lụa nhiều. Có lẽ vì vậy mà dưới cái nhìn đầy thi vị của Nguyễn Tuân, những mảnh lụa tinh vi cùng làn nước trong xanh không bóng gợn đã nhắc nhớ về nàng Tây Thi giặt lụa trên bến Trữ La năm nào. Còn những âm thanh đập áo vào buổi chiều tà thì mang hẳn một phong vị Đường thi hiếm thấy trong câu thơ nổi tiếng của Thi thánh Đỗ Phủ: “*Bạch đế thành cao cấp mộ châm*” (Thu hứng).

2.2. Không gian nhân sinh và không gian văn hóa – nơi ngưng đọng của lòng trắc ẩn

Không chỉ có không gian đô thị cổ kính, thơ mộng, trong tùy bút *Cửa Đại*, tác giả còn khám phá chiều kích nhân sinh đầy chất nhân văn, ẩn sâu trong nét cổ kính của nó. Ở một khía cạnh khác, Cửa Đại còn sở hữu trong mình sự nghèo khổ của cư dân lao động. Do vậy, đối lập với không gian sang trọng, cổ kính nơi này là không gian của cái nghèo, cái túng thiếu mang tính chất tất yếu của thời cuộc, của lịch sử. Đó là cảnh những người dân nghèo chen chúc nhau kiếm miếng ăn qua việc buôn bán trên bến Hội An. Đó là những con đường đá vắng vẻ với những phương tiện vận tải không thể thô sơ hơn mà đối với những người giàu trí tưởng tượng và có tâm hồn hồi cổ nhất cũng không nghĩ là nó vẫn tồn tại trong một xã hội văn minh, hiện đại: “*Cái xe ngựa lóc cọc, lạch cách chạy rất chậm trên con đường vắng... Nó giống như cái xe thổ mộ của Nam kì*”.

Người dân Cửa Đại theo cách cảm nhận của nhân vật Nguyễn là những người chân chất, thật thà như chính gió biển nơi này: “*Con nhà chài ở đây chưa biết đánh lừa người ta mỗi khi bán mớ tôm, mớ cá. Những thiếu phụ góa bụa quần dải khăn ngang để tang một người thuyền chài chết vì mề cá nục ngoài bể sâu mấy con sào nước, những người sương phụ đó có cái vẻ đẹp của Thánh Maria đó chưa biết đến việc mãi dâm, một thứ hàng mà người thành thị đi nghỉ mát để khoe của đã đem du nhập vào mọi chỗ hải sản đổi mới. Ở đây, người ta đi tắm là đi tắm. Hít gió ở đây là cứu cánh chứ không phải là một phương tiện trá hình của đám trưởng giả*” (Cửa Đại) [10; tr.517].

Ở khía cạnh khác, tác giả cũng cung cấp cho chúng ta những thông tin bổ ích về văn hóa ẩm thực của Cửa Đại. Đó là những món ăn cực kì dân dã nhưng đậm chất Việt Nam, rất riêng mà cũng rất chung, phổ quát. Nếu người xứ Huế có món cơm hến nổi tiếng thì người dân nơi làng Cẩm Phô cũng có món hến luộc nhỏ xíu để ăn điểm tâm với bánh tráng. Ngoài ra, còn có món cá tranh – thứ cá chỉ có ở sông Phố, thơm như cá sông Hương. Hay là trái lòng boong – *“một thứ thời chân rất quý của xứ Quảng”*. Trái này được bao phủ một lớp huyền thoại và được thi vị hóa vì nó gắn liền với những năm tháng đánh giặc của vua Gia Long và được ban cho một mỹ danh là quả Nam Trân.

Trong tùy bút *Chiếc va li mới*, nhà văn không chỉ tái hiện những bức tranh thiên nhiên biển trời mây nước, mà còn thể hiện cái nhìn trù mên, trân trọng với nhân dân lao động. Đó là tính cách hiền lành, chân phương của những người lao động Sơn Nam Hạ ở ven các bờ biển phía Bắc Thanh Hóa. Đó là sự đam mê, tháo vát, một nắng hai sương, mưu sinh trên sông nước của các cô gái buôn ở xứ đạo Phát Diệm: *“khuôn mặt và cặp mắt xinh đẹp đều rập theo cái vẻ đẹp nhu mì của thánh Maria.... những cô gái Kim Sơn chèo những chiếc thuyền thúng đi chào hàng. Họ quỳ gối xuống sạp thuyền, hai tay chèo đều, thuyền nan lướt qua, len vào kẽ các thuyền gỗ... Cái đám phụ nữ bán hàng tạp hóa trên mặt nước này có đũa họ, không bao giờ họ biết giận”* (Chiếc va li mới) [10; tr.608].

Cảnh lặn bắt những con hàu vô cùng khó nhọc của dân chài cửa biển Lạch Trường cũng không khỏi khiến người ta mỉm lòng khi nghĩ về sự vất vả để kiếm được miếng cơm manh áo: *“cổ lồng thông cái dây có thánh giá đang rò rỉ nhiều giọt nước. Họ ngậm ngang mồm một con dao, lặn xuống nước một lúc lâu, tìm những tảng hàu cắn vào sườn đá cạy ra rồi ngoi lên mặt nước, vuốt mặt nhỏ và thở phì phò; họ vuốt mặt, vuốt mắt và nhìn lại chân trời đẹp với sự khó nhọc dăm chiêu”* (Chiếc va li mới) [10; tr.605]. Để có được miếng ăn, những người dân nghèo chấp nhận đánh cược số phận của mình với dòng nước mênh mông bao dung nhưng cũng lắm hung dữ, tàn nhẫn. Có người sau khi lặn xuống được an lành nhưng cũng có người phải từ giã một kiếp nhân sinh dưới lòng biển lạnh.

Vượt lên trên sự khắc nghiệt gần như không chịu nổi của thiên nhiên là sự cần mẫn, chăm chút của con người. Phải có đôi mắt tinh tường, trái tim nhạy cảm lắm nhân vật Bạch mới có thể cảm nhận được chất thơ “ngắm sâu vào đá”, hiện hữu trong từng thớ đất nơi đây: *“Ở đây người ta sẽ làm thơ mà vận là đá, là sắt, là khoáng chất và âm điệu sẽ dự vào tiếng gió lạnh thổi vào trong lò mổ, tiếng một mũi cuốc nhọn hoắt mổ vào lòng đá đen già”* [9; tr.806]. Cách ví von, liên tưởng thật đặc biệt, chỉ có thể có ở Nguyễn Tuân. Phải chăng, ẩn sâu trong từng câu chữ ấy là một niềm trân trọng thiết tha đối với những người lao động gian lao nơi này?

3. Kết luận

Tóm lại, không gian nhân sinh và không gian văn hóa đã phác thảo một chân dung khác bên cạnh con người xê dịch của Nguyễn Tuân. Đó là con người tình cảm, con người của sự trắc ẩn và không thôi hoài niệm về những nỗi niềm cổ xưa. Con người ấy dù trải qua bao nốt thăng trầm trên đường đời nhưng vẫn giữ được hồn cốt của người nghệ sĩ, không chỉ nặng lòng vì nghệ thuật mà còn nặng cả nỗi đời, nỗi người – với tính cách hướng đến những giá trị nhân sinh cao đẹp. Ở đây, không hẳn có sự tách biệt hoàn

toàn giữa hai cái tôi song trùng ấy. Chúng hòa quyện, đan kết vào nhau, cái này là điều kiện, là tiền đề cho cái kia, song hành cùng nhau trong mối quan hệ nhân quả. Và do đó, có thể nào khẳng định Nguyễn Tuân hoàn toàn đứng ngoài cuộc, đứng dưng với đời?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân – Bùi Văn Trọng Cường, 1995. *Từ điển văn học Việt Nam*. Nxb Giáo dục
- [2] Phan Cự Đệ, 1999. *Văn học lãng mạn Việt Nam 1930 – 1945*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàn Khung, Hà Văn Đức, 1999. *Văn học Việt Nam 1900 – 1945*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Phan Cự Đệ, 1992. *Văn học Việt Nam thế kỉ XX – Những vấn đề lịch sử và lí luận*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Hà Văn Đức, 1996. *Tùy bút của Nguyễn Tuân sau Cách mạng Tháng Tám (Một số đặc điểm thể loại)* in trong tập *Năm mươi năm văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Lê Bá Hán- Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2007. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đăng Mạnh, 1981. *Lời giới thiệu Tuyển tập Nguyễn Tuân*, Hà Nội
- [8] Vương Trí Nhàn, 1996. *Nguyễn Tuân như một con người thời đại*, Lời giới thiệu viết cho *Quê hương*, truyện dài của Nguyễn Tuân. Nxb Hải Phòng.
- [9] Nguyễn Tuân, 2000. *Toàn tập*, tập I. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Tuân, 2000. *Toàn tập*, tập II. Nxb Văn học, Hà Nội.

ABSTRACT

Inspiring in the flight before August-1945 network of Nguyen Tuan's perspective from the art space

Le Viet Doan

Ho Thi Ky Hight School, Ca Mau

Before August revolution, Nguyen Tuan's style of writing stretched in the art space in associated with the obsession, the perception of identity, the existence, and sometimes, with the color of fate. Between the present and the past, ancient and modern, to the strange lands of human space, the cultural space does not only bring sadness to the ancient times but also becomes the symbol of the lives of romantic people, windy lives, unlimited engagements, and shore. It is the escape of the situation to get the truth, to live with the nature, the ego, which is as an expression beyond the trivial, bland to the values of Truthfulness-Compassion-America by moving.

Keywords: Move, private life, artistic space, fate.